

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỆN CP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 309/2022/DS-ST

Ngày: 26/12/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN CP, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ;
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2022/TLST – DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 443/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Nh (Loan), sinh năm 1966. Trú tại khóm Châu Quới 2, phường CP B, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nh: Ông Tô Văn Đ, sinh năm 1992. Trú tại ấp Chánh H, xã Bình L, Huyện CP, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2022. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Tường H là Luật sư của Công ty luật TNHH An Gia – thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: Khóm Vĩnh L, thị trấn Cái D, Huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Dương Văn Đ2, sinh năm 1980. Trú tại tổ 28, ấp Khánh B,

xã Khánh H, Hện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn ông Tô Văn Đ trình bày: Từ năm 2017 đến tháng 11/2019, bà Trần Thị Nh có bán thức ăn cá cho ông Dương Văn Đ2 nhiều lần, tính đến ngày 26/11/2019 ông Đ2 còn nợ tiền thức ăn cá của bà Nh số tiền 440.995.000đ. Sau đó, nhiều lần bà Nh yêu cầu ông Đ2 trả tiền nhưng ông Đ2 cứ hẹn trả nhưng không thực hiện. Đến ngày 12/5/2021, ông Đ2 viết tờ cam kết trả nợ với bà Nh hai đợt: Đợt 1 trả vào ngày 15/6/2021 số tiền 200.000.000đ; Đợt 2 trả vào ngày 15/7/2021 số tiền 240.995.000đ. Sau khi hết thời hạn cam kết ông Đ2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nh, bà Nh đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông Đ2 trả nợ nhưng ông Đ2 cứ hẹn và trốn tránh không trả nợ. Nay bà Nh yêu cầu ông Đ2 phải trả số tiền còn nợ 440.995.000đ, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 26/11/2019 cho đến khi trả hết số tiền nợ.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tờ cam kết đề ngày 12/5/2021 (đã được Toà án đối chiếu bản chính); Phiếu giao hàng từ ngày 01/01/2019 đến 31/8/2022.

Đối với bị đơn ông Dương Văn Đ2, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông Đ2 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên toà:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đ2 trả số tiền 440.995.000đ, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 26/11/2019 đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà.

** Luật sư Lương Tường H phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*

Việc mua bán thức ăn giữa bà Nh và ông Đ2 từ năm 2017 đến tháng 11/2019 thể hiện trên phiếu giao hàng và tờ cam kết trả nợ của ông Đ2 ngày 12/5/2021, do ông Đ2 không thực hiện như cam kết và cố tình trốn tránh không trả nợ cho bà Nh, nên bà Nh yêu cầu ông Đ2 trả số nợ còn thiếu 440.995.000đ là có căn cứ. Về lãi suất, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 26/11/2019 đến khi giải quyết xong vụ án, do việc mua bán của bà Nh và ông Đ2 kết thúc ngày 26/11/2019 theo phiếu giao hàng và theo tờ cam kết ông Đ2 có

thừa nhận còn nợ bà Nh từ năm 2017 đến tháng 11/2019 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Hện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Dương Văn Đ2 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Nh số tiền nợ vốn 440.995.000đ.

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 26/11/2019 đến ngày 15/6/2021.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Dương Văn Đ2 có địa chỉ thường trú tại xã Khánh H, Hện CP, tỉnh An Giang. Nguyên đơn bà Trần Thị Nh khởi kiện, Tòa án nhân dân Hện CP thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ2 có nghĩa vụ trả tiền mua thức ăn còn thiếu và giao dịch thực hiện năm 2017 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên xác định quan hệ pháp là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Dương Văn Đ2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ2.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Về hợp đồng mua bán tài sản:

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Dương Văn Đ2 phải trả tiền nợ mua thức ăn còn thiếu là 440.995.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc mua bán thức ăn cá giữa bà Nh và ông Đ2 trên thực tế có xảy ra và được xác lập trên cơ sở thoả thuận tự nguyện của hai bên, tuy không có làm giấy tờ hợp đồng mua bán, nhưng có tờ cam kết đề ngày 12/5/2021 ông Đ2 ký xác nhận có nợ bà Nh số tiền 440.995.000đ (từ năm 2017 đến tháng 11/2019).

Theo khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, trong vụ án này, Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho ông Đ2, nhưng ông Đ2 không có ý kiến phản đối cũng như không cung cấp, giao nộp cho Toà án tài liệu chứng cứ chứng minh để phản đối việc bà Nh khởi kiện ông Đ2. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 440.995.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 26/11/2019 đến khi giải quyết xong vụ án, do kết thúc việc mua bán của bà Nh và ông Đ2 là ngày 26/11/2019 và tờ cam kết ông Đ2 xác nhận nợ từ năm 2017 đến tháng 11/2019. Xét, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận. Do giao dịch của các bên không có thoả thuận lãi suất nên Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đồng thời, tại tờ cam kết, nguyên đơn và bị đơn thống nhất cho bị đơn trả nợ theo hai đợt, cụ thể: Đợt 1 ngày 15/6/2021 trả 200.000.000đ; Đợt 2 ngày 15/7/2021 trả 240.995.000đ, nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”, bị đơn vi phạm nghĩa vụ chậm trả theo 02 đợt đã cam kết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần về yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn của của mỗi đợt như sau:

- Số tiền vốn 200.000.000đ tính lãi từ ngày 15/6/2021 đến ngày 26/12/2022:

$$200.000.000đ \times 10\%/năm \times 18 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 30.598.830đ$$

- Số tiền vốn 240.995.000đ tính lãi từ ngày 15/7/2021 đến ngày 26/12/2022:

$240.995.000đ \times 10\%/năm \times 17 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 34.890.500đ$

Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn số tiền 65.489.330đ (lãi tạm tính đến ngày 26/12/2022).

Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 26/11/2019 đến ngày 14/6/2021 với số tiền là 68.326.876đ ($440.995.000đ \times 10\%/năm \times 18 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 68.326.876đ$).

Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền 506.484.330đ, trong đó tiền vốn 440.995.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 26/12/2022 là 65.489.330đ.

[2.3] Về án phí:

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 “Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí tương ứng một phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc ông Dương Văn Đ2 phải chịu 24.259.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận”. Do yêu cầu về tính lãi của nguyên đơn không được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với một phần yêu cầu không được chấp nhận, nên buộc bà Trần Thị Nh phải chịu 3.416.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 27; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 357; Điều 430; Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Nh (Loan).

Buộc ông Dương Văn Đ2 phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Nh (Loan) số tiền 506.484.330đ (Năm trăm lẻ sáu triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi đồng), trong đó tiền vốn 440.995.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 26/12/2022 là 65.489.330đ (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn ba trăm ba mươi đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Nh về yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 26/11/2019 đến ngày 14/6/2021 với số tiền lãi là 68.326.876đ (Sáu mươi tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng).

- Về án phí:

Ông Dương Văn Đ2 phải chịu 24.259.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Nh (Loan) phải chịu 3.416.000đ (Ba triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 10.820.000đ (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000371 ngày 26/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện CP, bà Nh được nhận lại số tiền 7.404.000đ (Bảy triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA Hện CP;
- VKSND Hện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ